BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Số: 799/QĐ-ĐHCNTMHN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Thông tin tuyển sinh năm 2026 của trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 769/QĐ – TTg ngày 04/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội trên cơ sở sắp xếp lại trường Cao đẳng Công nghiệp – Dệt May Thời trang Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1485/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội thành Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 2394/QĐ-ĐHCNTMHN ngày 21/11/2025 của Hội đồng trường, trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Thông tin tuyển năm 2026 của trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội"

Điều 2. Hội đồng tuyển sinh, các Ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh, trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TS&TT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TS. Hoàng Xuân Hiệp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026
(Hình thức đào tạo chính quy, đào tạo thường xuyên)

Ban hành theo Quyết định số: 799..../QĐ-ĐHCNTMHN ngày 18 tháng 4 năm 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội

2. Mã trường: CCM

3. Địa chỉ trụ sở chính: Kim Hồ, Thuận An, TP Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:

- Trang thông tin chung: hict.edu.vn
- Trang mạng xã hội: https://www.facebook.com/tshict

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02436922552; 0917966488; 0915001951

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh, quy chế thi năng khiếu:

- Quy chế tuyển sinh: https://hict.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc.htm
- Quy chế thi tuyển năng khiếu: https://hict.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc.htm

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo: hict.edu.vn

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;

b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

TT	Phương thức tuyển sinh	Mã phương thức	Ghi chú
1	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh	PT1	Áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo
2	Xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026	PT2	Áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo
3	Xét kết quả học tập trong học bạ THPT	PT3	Áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo

TT	Phương thức tuyển sinh	Mã phương thức	Ghi chú
4	Xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội	PT4	Áp dụng cho tất cả các ngành đào tạo
5	Xét kết quả thi THPT Quốc gia kết hợp điểm thi năng khiếu	PT5	Áp dụng cho ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa
6	Xét kết quả học tập trong học bạ THPT kết hợp điểm thi năng khiếu	PT6	Áp dụng cho ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa

2.1. Phương thức 1 (PT1). Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (chi tiết tại phụ lục 1)

2.2. Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của các môn trong tổ hợp xét tuyển

Điểm xét tuyển là tổng điểm của các môn thi theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển (không nhân hệ số) cộng với điểm cộng (nếu có) và điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định (nếu có). Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm thi môn 1 + Điểm thi môn 2 + Điểm thi môn 3 + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

(1) Đối với các tổ hợp xét tuyển có môn thi tiếng Anh

+ Thí sinh không tham gia thi môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 nhưng có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS được quy đổi điểm môn tiếng Anh tương ứng để tham gia xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

+ Thí sinh tham gia thi môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS: Nhà trường sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh; đồng thời, thí sinh được cộng điểm khuyến khích từ việc quy đổi kết quả chứng chỉ IELTS.

+ Thí sinh xem chi tiết Quy đổi điểm tiếng Anh, điểm khuyến khích dành cho chứng chỉ Ielst tại mục 5.2.

(2) Đối với các tổ hợp xét tuyển không có môn thi tiếng Anh

Nếu thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS, điểm khuyến khích được quy đổi từ kết quả thi chứng chỉ IELTS. Thí sinh xem chi tiết về Điểm khuyến khích tại mục 5.2.

2.3. Phương thức 3 (PT3): Xét tuyển kết quả học tập theo học bạ THPT, điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của các môn theo tổ hợp xét tuyển.

Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của các môn theo tổ hợp xét tuyển (không nhân hệ số), cộng với điểm cộng (nếu có) và điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định (nếu có) và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển = (ĐTB $_{3\ năm}$ môn 1 + ĐTB $_{3\ năm}$ môn 2 + ĐTB $_{3\ năm}$ môn 3) + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó: ĐTB$_{3\ năm}$ là điểm trung bình chung kết quả học tập 3 năm cấp giáo dục phổ thông (lớp 10, 11, 12) của môn trong tổ hợp xét tuyển;

(1) Đối với các tổ hợp xét tuyển có môn tiếng Anh

+ Thí sinh không có điểm môn tiếng Anh trong học bạ THPT nhưng có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS, được quy đổi điểm môn tiếng Anh tương ứng để tham gia xét tuyển bằng kết quả học tập THPT.

+ Thí sinh có điểm môn tiếng Anh trong học bạ và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS: Nhà trường sử dụng kết quả môn tiếng Anh ở bậc THPT để xét tuyển; đồng thời, thí sinh được cộng điểm khuyến khích từ việc quy đổi kết quả chứng chỉ IELTS.

+ Thí sinh xem chi tiết Quy đổi điểm tiếng Anh, điểm khuyến khích dành cho chứng chỉ Ielst tại mục 5.2.

(2) *Đối với các tổ hợp xét tuyển không có môn tiếng Anh*

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS được cộng điểm khuyến khích từ việc quy đổi kết quả chứng chỉ IELTS. Thí sinh xem chi tiết về Điểm khuyến khích tại mục 5.2.

2.4 Phương thức 4 (PT4): Sử dụng điểm thi đánh giá năng lực của đại học Quốc gia Hà Nội (HSA)

Điểm xét tuyển là tổng điểm của điểm thi HSA đã được quy đổi, cộng với điểm cộng (nếu có) và điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định (nếu có) và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm HSA quy đổi + Điểm cộng (nếu có)+ Điểm ưu tiên (nếu có)

- Điểm HSA quy đổi: Nhà trường sẽ công bố quy tắc quy đổi điểm sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo hướng dẫn chung của Bộ GD&ĐT.

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS được cộng điểm khuyến khích từ việc quy đổi kết quả chứng chỉ IELTS. Thí sinh xem chi tiết về Điểm khuyến khích tại mục 5.2.

2.5. Phương thức 5 (PT5): Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển

+ Đối với các môn văn hóa: Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển. Tùy từng tổ hợp, các môn văn hóa gồm: Ngữ văn, Toán, Vật lý, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lý.

+ Đối với các môn năng khiếu: Sử dụng kết quả thi năng khiếu môn Vẽ Mỹ thuật, Bố cục màu tại trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội hoặc kết quả thi năng khiếu khối V và khối H của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2026 để xét tuyển.

Điểm xét tuyển là tổng điểm môn năng khiếu (không nhân hệ số), cộng với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm cộng (nếu có) và điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định (nếu có). Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển được tính theo công thức:

- Tổ hợp V01, V05, H06, H08, H09:

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm thi môn 1 + Điểm thi môn 2 + ĐNK + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó, ĐNK là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội hoặc điểm thi năng khiếu khối V, khối H của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2026.

(1) Đối với các tổ hợp xét tuyển có môn thi tiếng Anh (H06)

+ Thí sinh không tham gia thi môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 nhưng có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS, được quy đổi điểm môn tiếng Anh tương ứng để tham gia xét tuyển.

+ Thí sinh tham gia thi môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELT: Nhà trường sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh; đồng thời, thí sinh được cộng điểm khuyến khích từ việc quy đổi kết quả chứng chỉ IELTS.

+ Thí sinh xem chi tiết Quy đổi điểm tiếng Anh, điểm khuyến khích dành cho chứng chỉ Ielst tại mục 5.2.

(2) Đối với các tổ hợp xét tuyển không có tiếng Anh (V01, V05, H08, H09)

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS được cộng điểm khuyến khích từ việc quy đổi kết quả chứng chỉ IELTS. Thí sinh xem chi tiết Điểm khuyến khích tại mục 5.2

- Tổ hợp H00:

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm thi môn Ngữ văn + ĐNK1 + ĐNK2 + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

+ ĐNK1 là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội hoặc điểm thi năng khiếu 1 khối H của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2026.

+ ĐNK2 là điểm thi năng khiếu môn Bố cục màu tại trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội hoặc điểm thi năng khiếu 2 khối H của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2026.

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS được cộng điểm khuyến khích từ việc quy đổi kết quả chứng chỉ IELTS. Thí sinh xem chi tiết Điểm khuyến khích tại mục 5.2.

2.6. Phương thức 6 (PT6): Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển

+ Đối với các môn văn hóa: Sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển. Tùy từng tổ hợp, các môn văn hóa trong tổ hợp để xét tuyển gồm: Ngữ văn, Toán, Vật lý, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lý.

+ Đối với các môn năng khiếu: Sử dụng kết quả thi năng khiếu môn Vẽ Mỹ thuật, Bố cục màu tại trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội hoặc kết quả thi năng khiếu khối V và khối H của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2026 để xét tuyển.

Điểm xét tuyển là tổng điểm môn năng khiếu (không nhân hệ số) với điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm cộng (nếu có) và điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định (nếu có). Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển được tính theo công thức sau:

- Tổ hợp V01, V05, H06, H08, H09:

Điểm xét tuyển (ĐXT) = ĐTB 3 năm môn 1 + ĐTB 3 năm môn 2 + ĐNK + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

+ ĐTB 3 năm môn 1 là điểm trung bình chung kết quả cả năm lớp 10, 11, 12 môn Ngữ văn

+ ĐTB 3 năm môn 2 là điểm trung bình chung kết quả cả năm lớp 10, 11, 12 môn Toán (V01) hoặc Vật lý (V05) hoặc Tiếng Anh (H06) hoặc Lịch sử (H08) hoặc Địa lý (H09) tuỳ theo sự lựa chọn của thí sinh.

+ ĐNK là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội hoặc điểm thi năng khiếu khối V, khối H của của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2026.

(1) Đối với tổ hợp xét tuyển có môn tiếng Anh (H06)

+ Thí sinh không có điểm tiếng Anh trong học bạ bậc THPT nhưng có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS thì được quy đổi điểm môn tiếng Anh tương ứng để tham gia xét tuyển.

+ Thí sinh có điểm môn tiếng Anh trong học bạ và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS: Nhà trường sử dụng kết quả môn tiếng Anh ở bậc THPT để xét tuyển; đồng thời, thí sinh được cộng điểm khuyến khích từ việc quy đổi từ kết quả chứng chỉ IELTS.

+ Thí sinh xem chi tiết Quy đổi điểm tiếng Anh, điểm khuyến khích dành cho chứng chỉ Ielst tại mục 5.2.

(2) Đối với các tổ hợp xét tuyển không có môn tiếng Anh (V01, V05, H08, H09)

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS thì điểm khuyến khích được quy đổi từ kết quả thi chứng chỉ IELTS. Thí sinh xem chi tiết về Điểm khuyến khích tại mục 5.2.

-Tổ hợp H00

Điểm xét tuyển (ĐXT) = ĐTB 3 năm môn Ngữ văn + ĐNK1 + ĐNK2 + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó:

+ ĐTB $_{3\ năm}$ môn Ngữ văn là điểm trung bình chung kết quả cả năm lớp 10, 11, 12

+ ĐNK1 là điểm thi năng khiếu môn Vẽ mỹ thuật tại trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội hoặc điểm thi năng khiếu 1 khối H của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2026.

+ ĐNK2 là điểm thi năng khiếu môn Bố cục màu tại trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội hoặc điểm thi năng khiếu 2 khối H của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2026.

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS được cộng điểm khuyến khích từ việc quy đổi từ kết quả chứng chỉ IELTS. Thí sinh xem chi tiết về quy đổi Điểm cộng tại mục 5.2

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Quy đổi ngưỡng đầu vào: Trường sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

Thí sinh đăng ký xét tuyển vào các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường là thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026;

Quy định này không áp dụng đối với thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT và thí sinh quy định tại khoản 1, khoản 2 (điểm a, c, d, đ), khoản 3, khoản 4 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh do Bộ GD&ĐT ban hành.

3.2.Quy đổi điểm trúng tuyển: Trường sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, thời gian công bố chậm nhất cùng thời gian công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

3.3. Chênh lệch điểm giữa các tổ hợp

Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội xác định điểm trúng tuyển theo từng mã xét tuyển; trong cùng một mã, các tổ hợp xét tuyển có mức điểm trúng tuyển như nhau, không có sự chênh lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển.

4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành[5]	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
1	7210203	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	90	PT1	
						PT2	D01
						PT3	D01
						PT4	
						PT5	V01, V05, H00, H06, H08, H09
						PT6	V01, V05, H00, H06, H08, H09
2	7210204	Công nghệ thời trang	72104204	Thiết kế thời trang	100	PT1	
						PT2	D01
						PT3	D01
						PT4	
						PT5	V01, V05, H00, H06, H08, H09
						PT6	V01, V05, H00, H06, H08, H09
3	7540209	Công nghệ may	7540209	Công nghệ may	440	PT1	
						PT2	A00, A01, B00, D01, D07, C01,C03, C04, C14, X03, X23
						PT3	
						PT4	
4	7540202	Công nghệ sợi, dệt	7540202	Công nghệ sợi, dệt	20	PT1	
						PT2	A00, A01, B00, D01, D07, C01,C03, C04, C14, X03, X23
						PT3	
						PT4	
5	7510601	Quản lý công nghiệp	7510601	Quản lý công nghiệp	120	PT1	
						PT2	A00, A01, B00, D01, D07, C01,C03, C04, C14, X03, X23
						PT3	
						PT4	
6	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	160	PT1	
						PT2	A00, A01, B00, D01, D07, C01,C03, C04, C14, X03, X23
						PT3	
						PT4	
7	7340115	Marketing	7340115	Marketing	240	PT1	
						PT2	A00, A01, B00, D01, D07, C01,C03, C04, C14, X03, X23
						PT3	
						PT4	
8	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	140	PT1	
						PT2	A00, A01, B00, D01, D07, C01,C03, C04, C14, X03, X23
						PT3	
						PT4	
9	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	120	PT1	
						PT2	A00, A01, B00, D01, D07, C01,C03, C04, C14, X03, X23
						PT3	
						PT4	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành[5]	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
10	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	90	PT1	
						PT2	A00, A01, B00, D01, D07, C01,C03, C04, C14, X03, X23
						PT3	
						PT4	
11	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	120	PT1	
						PT2	A00, A01, B00, D01, D07, C01,C03, C04, C14, X03, X23
						PT3	
						PT4	

-Mã tổ hợp và tổ hợp môn xét tuyển

TT	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	B00	Toán, Hóa, Sinh học
4	C01	Toán, Ngữ văn, Vật lí
5	C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử
6	C04	Toán, Ngữ văn, Địa lý
7	C14	Toán, Ngữ văn, Giáo dục - Kinh tế - Pháp luật
8	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
9	D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh
10	X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ công nghiệp
11	X23	Toán, Địa lý, Công nghệ công nghiệp
12	V01	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu 1 (Vẽ mỹ thuật)
13	V05	Ngữ văn, Vật lí, Năng khiếu 1 (Vẽ mỹ thuật)
14	H00	Ngữ văn, Năng khiếu 1 (Vẽ mỹ thuật), Năng khiếu 2 (Bố cục màu)
15	H06	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu 1 (Vẽ mỹ thuật)
16	H08	Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu 1 (Vẽ mỹ thuật)
17	H09	Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu 1 (Vẽ mỹ thuật)

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Đại học

5.1. Các điều kiện phụ trong xét tuyển

- Tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn;

5.2. Điểm cộng và quy đổi điểm tiếng Anh

5.2.1. Điểm cộng bao gồm:

a) *Điểm thưởng* dành cho thí sinh thuộc diện được xét tuyển thẳng (theo quy định tại Phụ lục 1 của Thông tin tuyển sinh này) nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng; mức điểm thưởng là 3,00 điểm theo thang điểm 30.

b) Điểm xét thưởng dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt gồm:

-Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải.

- Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật dự tuyển vào ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa;

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với nghề đã đạt giải;

Thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt được cộng điểm xét thưởng 1.5 điểm theo thang điểm 30.

c) *Điểm khuyến khích* dành cho thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS, cụ thể như sau:

- Đối với thí sinh dự thi môn Tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hoặc có điểm Tiếng Anh trong học bạ: nếu đồng thời sở hữu chứng chỉ IELTS quốc tế, thí sinh được cộng điểm khuyến khích từ việc quy đổi từ kết quả chứng chỉ IELTS.

- Đối với thí sinh xét tuyển bằng điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA): nếu có chứng chỉ IELTS quốc tế, thí sinh được cộng điểm khuyến khích từ việc quy đổi từ kết quả chứng chỉ IELTS. Cụ thể

TT	IELTS	Điểm khuyến khích
1	4.0	0.5
2	4.5	0.75
3	5.0	1.0
4	5.5	1.25
5	6.0 trở lên	1.5

5.2.2. Quy đổi điểm tiếng Anh

- Quy đổi điểm tiếng Anh áp dụng cho thí sinh không tham gia thi môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hoặc không có điểm tiếng Anh trong học bạ ở bậc THPT nhưng có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS. Cụ thể:

TT	IELTS	Điểm quy đổi
1	4.0	6.5
2	4.5	7.5
3	5.0	8.5
4	5.5	9.5
5	6.0 trở lên	10

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Đăng ký xét tuyển

a) Đăng ký xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Phương thức 1)

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày 15/5/2026 đến trước 17h00 ngày 20/6/2026.

- Hình thức đăng ký xét tuyển (ĐKXT): Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT tại Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội, mẫu hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo để được đưa vào hệ thống xét tuyển và xử lý nguyện vọng.

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển thẳng: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Đăng ký xét tuyển theo các phương thức còn lại (Phương thức 2,3,4,5,6)

Thời gian dự kiến	Ghi chú
Từ 01/5/2026-đến 30/6/2026	Đăng ký thông tin xét tuyển học bạ, điểm thi ĐGNL trên hệ thống xét tuyển của Trường tại: https://tsnh.hict.edu.vn/dang-ky
Từ 02/7/2026 đến 14/7/2026	Đăng ký nguyện vọng lên hệ thống của Bộ GD&ĐT. Lịch xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT
Từ 15/7/2026	Theo thông báo của Trường

6.2. Tổ chức thi tuyển năng khiếu

- Các ngành có thi môn năng khiếu gồm: Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa với các tổ hợp V01, V05, H00, H06, H08, H09.

+ Thí sinh đăng ký dự thi tại trường Đại học Công nghiệp và Thương mại theo địa chỉ: https://hict.edu.vn/dang-ky-du-thi-nang-khieu.htm

+ Thời gian đăng ký trước ngày: 30/4/2026

+ Thời gian thi tuyển: Ngày 10/5/2026

Buổi	Môn thi	Nội dung thi	Thời gian thi
Sáng 10/5/2026	Vẽ mỹ thuật	Vẽ chì tượng chân dung bằng chất liệu thạch cao.	200 phút
Chiều 10/5/2026	Bố cục màu	Vẽ bố cục trang trí màu.	200 phút

Ngoài tổ chức thi năng khiếu tại trường, Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội còn sử dụng kết quả thi năng khiếu khối V và khối H của các trường đại học khác có tổ chức thi trong năm 2026 để xét tuyển.

7. Chính sách ưu tiên

7.1. Chính sách ưu tiên chung

Chính sách ưu tiên được áp dụng theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và đối tượng, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm; khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm; khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên =[(30-Tổng điểm đạt được)/7,5] x mức điểm ưu tiên theo quy định

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (Trung cấp) và một năm kế tiếp.

7.2. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển:

Nhà trường xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển cho các đối tượng được quy định tại phụ lục 1 và mục 5.2.1 của Thông tin tuyển sinh này.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Lệ phí đăng ký/xét tuyển:

+ Lệ phí ở đợt xét tuyển chung: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

+ Lệ phí đăng ký trên website của Trường: 50.000 đồng/ 1 thí sinh

- Lệ phí thi năng khiếu: 300.000 đồng/1 thí sinh

+ Hình thức nộp lệ phí: Nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản

+ Tên tài khoản: Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội

+ Tài khoản số: 1510069995

+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thành Đô.

+ Nội dung chuyển tiền: Căn cước công dân - Họ và tên thí sinh - LP năng khiếu

9. Cam kết đối với thí sinh

Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội.

Kết thúc mùa tuyển sinh Nhà trường tổ chức hậu kiểm hồ sơ đăng ký của thí sinh, nếu kết quả hậu kiểm hồ sơ đăng ký không khớp với thông tin, dữ liệu đăng ký, được xử lý như sau:

+ Nếu thí sinh sử dụng thông tin không đúng để đủ điều kiện trúng tuyển, nhưng thực tế không đủ điều kiện trúng tuyển, Nhà trường hủy kết quả trúng tuyển.

+ Nếu thí sinh sử dụng thông tin không đúng dẫn đến không đủ điều kiện trúng tuyển, nhưng thực tế đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh làm đơn đề nghị cập nhật thông tin và gửi về trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội để Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xem xét công nhận kết quả xét tuyển.

+ Nếu không ảnh hưởng đến điều kiện trúng tuyển, thí sinh làm đơn đề nghị cập nhật thông tin và gửi về trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội để Hội đồng tuyển sinh Nhà trường cập nhật thông tin.

10. Các nội dung khác

10.1. Thông tin về học phí

- Năm học 2026-2027, nhà trường thu 610 đồng/ 1 tín chỉ.

- Lộ trình tăng học phí tối đa 15% cho từng năm học và thực hiện theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025

10.2.Thông tin về học bổng

Hằng năm Nhà trường dành gần 4,0 tỉ đồng để cấp học bổng cho sinh viên gồm có:

+ Học bổng khuyến khích học tập là học bổng dành cho sinh viên (SV) chính quy dài hạn trong trường có thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

+ Học bổng hỗ trợ học tập là học bổng dành cho SV chính quy dài hạn trong trường thuộc diện gia đình chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn, có cố gắng trong học tập và rèn luyện.

+ Học bổng của doanh nghiệp là học bổng do doanh nghiệp tài trợ. Đối tượng là SV có thành tích trong học tập, rèn luyện và đạt được các điều kiện của doanh nghiệp cấp học bổng.

10.3. Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ tài chính

- Chính sách miễn giảm học phí: Trường thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ cho sinh viên hoàn thiện thủ tục hồ sơ miễn, giảm học phí tại địa phương theo quy định của nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

- Chính sách hỗ trợ tài chính

+ Trường hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên thuộc các đối tượng được vay vốn tín dụng hoàn thiện thủ tục hồ sơ vay vốn theo quy định của Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Hỗ trợ sinh viên có thêm thu nhập thông qua việc làm thêm tại Trung tâm thực tập sản xuất của trường theo nhu cầu.

+ Giảm 30% học phí cho anh, chị em sinh đôi

+ Giảm 30% học phí cho thí sinh nếu có anh, chị ruột đang học tại trường.

11. Thông tin tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển (mã ngành)	Tên chương trình, ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm TT/ thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm TT/ thang điểm xét
1	7210203	Thiết kế đồ họa	7210203	Thiết kế đồ họa	Xét KQ trong học bạ	160	138	22/30	35	33	21/30
					Xét bằng KQ thi THPT QG		8	19/30	28	33	18/30
					Kết hợp kết quả HB và thi NK		11	22/20	2	1	21/30
					Kết hợp kết quả thi THPT QG và thi NK		3	19/30	2	0	18/30
					Xét tuyển thẳng theo phương án riêng	-	-	-	3	3	
2	7210204	Công nghệ thời trang	7210204	Thiết kế thời trang	Xét KQ trong học bạ	180	147	21/30	43	43	21/30
					Xét bằng KQ thi THPT QG		22	18/30	90	86	18/30
					Kết hợp kết quả HB và thi NK		1	21/30	3	0	21/30
					Kết hợp kết quả thi THPT QG và thi NK		4	18/30	3	0	18/30

TT	Mã xét tuyển (mã ngành)	Tên chương trình, ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm TT/ thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm TT/ thang điểm xét
					Xét tuyển thẳng theo phương án riêng	-	-	-	11	11	
3	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét KQ trong học bạ	115	115	19/30	7	6	19/30
					Xét bằng KQ thi THPT QG			16/30	18	6	15/30
					Xét tuyển thẳng theo phương án riêng	-	-	-	5	0	
4	7340301	Kế toán – Kiểm toán	7340301	Kế toán	Xét KQ trong học bạ	115	114	19/30	18	4	19/30
					Xét bằng KQ thi THPTQG			16/30	36	18	15/30
					Xét tuyển thẳng theo phương án riêng	-	-	-	6	0	
5	7340115	Marketing	7340115	Marketing	Xét KQ trong học bạ	145	143	20/30	27	16	20/30
					Xét bằng KQ thi THPTQG			17/30	54	34	15/30
					Xét tuyển thẳng theo phương án riêng	-	-	-	9	1	
6	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	Xét KQ trong học bạ	120	118	19/30	15	6	19/30
					Xét bằng KQ thi THPTQG			16/30	30	15	15/30
					Xét tuyển thẳng theo phương án riêng	-	-	-	5	0	
7	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Xét KQ trong học bạ	90	86	19/30	9	5	19/30
					Xét bằng KQ thi THPTQG			16/30	18	12	15/30
					Xét tuyển thẳng theo phương án riêng	-	-	-	3	0	
8	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Xét KQ trong học bạ	115	111	20/30	15	12	19/30
					Xét bằng KQ thi THPTQG			17/30	30	25	15/30
					Xét tuyển thẳng theo phương án riêng	-	-	-	5	1	

TT	Mã xét tuyển (mã ngành)	Tên chương trình, ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm TT/ thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm TT/ thang điểm xét
9	7510601	Quản lý công nghiệp Dệt May	7510601	Quản lý công nghiệp	Xét KQ trong học bạ	135	134	20/30	27	22	20/30
					Xét bằng KQ thi THPTQG			17/30	54	39	15/30
					Xét tuyển thẳng theo phương án riêng	-	-	-	9	2	
10	7540202	Công nghệ sợi, dệt	7540202	Công nghệ sợi, dệt	Xét KQ trong học bạ	135	126	19/30	6	2	19/30
					Xét bằng KQ thi THPTQG			16/30	12	2	15/30
					Xét tuyển thẳng theo phương án riêng	-	-	-	2	0	
11	7540209	Công nghệ may	7540209	Công nghệ may	Xét KQ trong học bạ	610	599	20/30	120	115	20/30
					Xét bằng KQ thi THPTQG			17/30	250	245	15/30
					Xét tuyển thẳng theo phương án riêng	-	-	-	30	11	

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN

1. Đào tạo thường xuyên dành cho người đã tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển: Người học đã tốt nghiệp THPT

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Xét tuyển kết quả học tập theo học bạ THPT, điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của các môn theo tổ hợp xét tuyển.

Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm lớp 10, 11, 12 của các môn theo tổ hợp xét tuyển (không nhân hệ số), cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định (nếu có) và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Xét tuyển điểm từ cao xuống thấp.

Điểm xét tuyển = (ĐTB $_{3\ năm}$ môn 1 + ĐTB $_{3\ năm}$ môn 2 + ĐTB $_{3\ năm}$ môn 3) + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó:

- ĐTB$_{3\ năm}$ là điểm trung bình chung kết quả học tập 3 năm cấp giáo dục phổ thông (lớp 10, 11, 12) của môn trong tổ hợp xét tuyển;
- Điểm ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy định của Bộ GD&ĐT

1.3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh: Không có

- Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội xác định điểm trúng tuyển theo từng mã xét tuyển; trong cùng một mã, các tổ hợp xét tuyển có mức điểm trúng tuyển như nhau, không có sự chênh lệch điểm giữa các tổ hợp xét tuyển.

1.4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành[5]	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
1	7540209	Công nghệ may	7540209	Công nghệ may	30	Xét tuyển kết quả học tập theo học bạ THPT	A00, A01, B00, D01, D07, C01,C03, C04, C14, X03, X23
2	7540202	Công nghệ sợi, dệt	7540202	Công nghệ sợi, dệt	30	Xét tuyển kết quả học tập theo học bạ THPT	A00, A01, B00, D01, D07, C01,C03, C04, C14, X03, X23

-Mã tổ hợp và tổ hợp môn xét tuyển

TT	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	B00	Toán, Hóa, Sinh học
4	C01	Toán, Ngữ văn, Vật lí
5	C03	Toán, Ngữ văn, Lịch sử
6	C04	Toán, Ngữ văn, Địa lý
7	C14	Toán, Ngữ văn, Giáo dục - Kinh tế - Pháp luật
8	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
9	D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh
10	X03	Toán, Ngữ văn, Công nghệ công nghiệp
11	X23	Toán, Địa lý, Công nghệ công nghiệp

1.5. Các thông tin cần chú ý để thí sinh dự tuyển

Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT

1.6. Tổ chức tuyển sinh

Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội xét tuyển nhiều đợt trong năm và có thông báo riêng.

1.7. Chính sách ưu tiên

Chính sách ưu tiên được áp dụng theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và đối tượng, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm; khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm; khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm;

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên =[(30-Tổng điểm đạt được)/7,5] x mức điểm ưu tiên theo quy định

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT và một năm kế tiếp.

1.8. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển 50.000 đồng

1.9. Cam kết đối với thí sinh

Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội.

Kết thúc mùa tuyển sinh Nhà trường tổ chức hậu kiểm hồ sơ đăng ký của thí sinh, nếu kết quả hậu kiểm hồ sơ đăng ký không khớp với thông tin, dữ liệu đăng ký, được xử lý như sau:

+ Nếu thí sinh sử dụng thông tin không đúng để đủ điều kiện trúng tuyển, nhưng thực tế không đủ điều kiện trúng tuyển, Nhà trường hủy kết quả trúng tuyển.

+ Nếu thí sinh sử dụng thông tin không đúng dẫn đến không đủ điều kiện trúng tuyển, nhưng thực tế đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh làm đơn đề nghị cập nhật thông tin và gửi về trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội để Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xem xét công nhận kết quả xét tuyển.

+ Nếu không ảnh hưởng đến điều kiện trúng tuyển, thí sinh làm đơn đề nghị cập nhật thông tin và gửi về trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội để Hội đồng tuyển sinh Nhà trường cập nhật thông tin.

1.10. Các nội dung khác

1.10.1. Thông tin về học phí

- Không vượt quá 1,5 lần so với đại học chính quy.

- Lộ trình tăng học phí tối đa 15% cho từng năm học và thực hiện theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025

1.10.2. Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ tài chính

- Chính sách miễn giảm học phí: Trường thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ cho sinh viên hoàn thiện thủ tục hồ sơ miễn, giảm học phí tại địa phương theo quy định của nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

- Chính sách hỗ trợ tài chính

+ Trường hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên thuộc các đối tượng được vay vốn tín dụng hoàn thiện thủ tục hồ sơ vay vốn theo quy định của Quyết định số 05/2022/QĐ- TTg ngày 23/03/2022 của thủ tướng chính phủ.

+ Hỗ trợ sinh viên có thêm thu nhập thông qua việc làm thêm tại Trung tâm sản xuất dịch vụ của trường theo nhu cầu.

2. Đào tạo thường xuyên cho người đã tốt nghiệp trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

+ Người học đã tốt nghiệp Đại học;

+ Người đã tốt nghiệp Cao đẳng/Cao đẳng nghề;

+ Tốt nghiệp Trung cấp, đã học và thi đạt đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT.

2.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

+ Xét tuyển kết quả học tập toàn khóa trình độ Đại học. Trong trường hợp số lượng thí sinh trúng tuyển vượt so với chỉ tiêu phân bổ, xét thí sinh có điểm học tập toàn khóa ở trình độ đại học từ cao xuống thấp đến đủ chỉ tiêu.

+ Xét tuyển kết quả học tập toàn khóa trình độ Cao đẳng/Cao đẳng nghề. Trong trường hợp số lượng thí sinh trúng tuyển vượt so với chỉ tiêu phân bổ, xét thí sinh có điểm học tập toàn khóa ở trình độ cao đẳng/cao đẳng nghề từ cao xuống thấp đến đủ chỉ tiêu.

+ Xét tuyển kết quả học tập toàn khóa trình độ Trung cấp. Trong trường hợp số lượng thí sinh trúng tuyển vượt so với chỉ tiêu phân bổ, xét thí sinh có điểm học tập toàn khóa ở trình độ trung cấp từ cao xuống thấp đến đủ chỉ tiêu.

2.3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh: Không có

2.4. Số lượng tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành[5]	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
1	7540209	Công nghệ may	7540209	Công nghệ may	10	Xét kết quả học tập toàn khóa trình độ Đại học
					10	Xét kết quả học tập toàn khóa trình độ Cao đẳng
					10	Xét kết quả học tập toàn khóa trình độ Trung cấp

2.5. Các thông tin cần chú ý để thí sinh dự tuyển

Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển là thí sinh đã tốt nghiệp và được cấp bằng và bảng điểm trình độ Đại học/Cao đẳng/Trung cấp.

2.6. Tổ chức tuyển sinh

Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội xét tuyển nhiều đợt trong năm và sẽ theo thông báo riêng.

2.7. Chính sách ưu tiên: Không có

2.8. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển: 50.000 đồng

2.9. Cam kết đối với thí sinh

Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo pháp luật hiện hành của nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội.

Kết thúc mùa tuyển sinh Nhà trường tổ chức hậu kiểm hồ sơ đăng ký của thí sinh, nếu kết quả hậu kiểm hồ sơ đăng ký không khớp với thông tin, dữ liệu đăng ký, được xử lý như sau:

+ Nếu thí sinh sử dụng thông tin không đúng để đủ điều kiện trúng tuyển, nhưng thực tế không đủ điều kiện trúng tuyển, Nhà trường hủy kết quả trúng tuyển.

+ Nếu thí sinh sử dụng thông tin không đúng dẫn đến không đủ điều kiện trúng tuyển, nhưng thực tế đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh làm đơn đề nghị cập nhật thông tin và gửi về trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội để Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xem xét công nhận kết quả xét tuyển.

+ Nếu không ảnh hưởng đến điều kiện trúng tuyển, thí sinh làm đơn đề nghị cập nhật thông tin và gửi về trường Đại học Công nghiệp và Thương mại Hà Nội để Hội đồng tuyển sinh Nhà trường cập nhật thông tin.

2.10. Các nội dung khác

2.10.1. Thông tin về học phí

- Không vượt quá 1,5 lần so với đại học chính quy.
- Lộ trình tăng học phí tối đa 15% cho từng năm học và thực hiện theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025

2.10.2. Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ tài chính

- Chính sách miễn giảm học phí: Trường thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ cho sinh viên hoàn thiện thủ tục hồ sơ miễn, giảm học phí tại địa phương theo quy định của nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.
- Chính sách hỗ trợ tài chính

+ Trường hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên thuộc các đối tượng được vay vốn tín dụng hoàn thiện thủ tục hồ sơ vay vốn theo quy định của Quyết định số 05/2022/QĐ- TTg ngày 23/03/2022 của thủ tướng chính phủ.

+ Hỗ trợ sinh viên có thêm thu nhập thông qua việc làm thêm tại Trung tâm sản xuất dịch vụ của trường theo nhu cầu.

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

TS. Hoàng Xuân Hiệp

Cán bộ tuyển sinh
Trần Lê Huy
ĐT: 0977236957
Email: huytl@hict.edu.vn

PHỤ LỤC 1
ĐỐI TƯỢNG TUYỂN THẲNG

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo của Trường.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

b) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng;

c) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

d) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ GDĐT cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng;